



MỘT HƯỚNG TIẾP CẬN THƠ NGUYỄN DU: TRƯỜNG HỢP THƠ ĐI SỨ*

Ngô Thị Thanh Tâm*

Khoa Ngữ văn – Trường Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh

Ngày Tòa soạn nhận được bài: 16-01-2017; ngày phân biện đánh giá bài: 25-3-2017; ngày chấp nhận đăng bài: 15-4-2017

TÓM TẮT

Từ ý niệm về cảm thức sở thuộc, về ý thức tự xác định mình trong quan hệ với người khác, chúng tôi tiếp cận thơ Nguyễn Du dưới góc độ bản sắc và ý thức kiến tạo bản sắc. Bài viết góp phần khám phá thêm về thơ đi sứ Nguyễn Du, cũng như về diện mạo văn hóa Việt Nam thời trung đại.

Từ khóa: bản sắc, thơ đi sứ, Nguyễn Du.

ABSTRACT

An Approach to Nguyen Du's Poetry: Poems Written during Diplomatic Missions

From the notion of sense of belonging and self-recognition in relationships with others, we approach Nguyen Du's poetry from the perspective of identity and consciousness of identity-development. This article contributes to the further discovery of Nguyen Du's poetry during diplomatic missions as well as Vietnamese medieval culture.

Keywords: identity, poems during diplomatic missions, Nguyen Du.

1. Dẫn nhập

Một đặc điểm có tính quy luật là càng đi xa càng nhớ cội nguồn, càng tiếp xúc với “kẻ khác”, với những gì xa lạ thì ta càng nhận ra mình. Nghiên cứu những cảm thức, những ý thức tự xác định mình trong quan hệ với kẻ khác là một trong những hướng tiếp cận để khám phá bản sắc (identity) của một cá nhân hoặc của một cộng đồng.

Văn hóa Việt Nam có truyền thống đi sứ. Các sứ thần trên hành trình vạn dặm đều có nhiều tâm trạng nhưng gần nhau ở chỗ luôn hướng về quê hương, cội nguồn. Nghiên cứu theo hướng này hứa hẹn có thể mang đến những kiến giải mới về thơ đi sứ

cũng như góp phần khám phá về bản sắc văn hóa dân tộc. Trong bài viết này, chúng tôi chọn tiếp cận thơ Nguyễn Du từ góc độ bản sắc và ý thức kiến tạo bản sắc, trường hợp thơ đi sứ (tập Bắc hành tạp lục).

1.1. Về khái niệm bản sắc

Có thể nói bản sắc (identity) của một cá nhân hoặc một cộng đồng thường được nhận diện trong mối quan hệ với cá nhân và cộng đồng khác. Tình huống đó liên tục đặt ra vấn đề tự xác định mình là ai, mình thuộc về nơi nào. Theo quan điểm của Giddens (1991) thì bản sắc không phải là một thực thể có thể chỉ ra được, mà “*bản sắc là phương thức tư duy về bản thân chúng ta*” (Chris Baker, 2011, tr. 300). Ở

* Email: tamntt@hcmup.edu.vn

đây nhấn mạnh đến tư duy tầng sâu, cảm thức sở thuộc.

Hơn nữa, xét đến cùng bản sắc/căn tính không bất biến mà luôn chuyển động “*như một công cuộc*” dựa vào “*cái mà chúng ta nghĩ chúng ta đang là như vậy, dưới ánh sáng của những hoàn cảnh trong quá khứ và hiện tại*”, dựa vào “*cái mà chúng ta nghĩ rằng chúng ta muốn trở thành như vậy*” (Chris Baker, 2011, tr. 300). Công cuộc đó đương nhiên còn chịu sự quy định của xã hội, tức là căn tính được gán cho chúng ta. Ở cấp độ quốc gia - dân tộc (nation – state), bản sắc văn hóa dân tộc được hiểu là phương thức tư duy đem lại cho cá nhân và cộng đồng đó những vị thế và diện mạo nhất định. Trường hợp bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam thời trung đại cũng không nằm ngoài quy luật nói trên.

1.2. Về thơ đi sứ

Thơ đi sứ là tên gọi những sáng tác của các sứ thần trong khi đi sứ, phản ánh một phần lịch sử bang giao và công cuộc bảo vệ đất nước. Dù mục đích đi sứ là triều cống, xin phong vương, mừng thiên tử lên ngôi, thậm chí là báo tang thì thực chất đều can hệ đến an nguy của quốc gia. Các vị sứ thần đều mang tâm thế của người phải xa nước để thực thi nhiệm vụ to lớn. Điều hiển nhiên cũng là điều cần lưu tâm là thơ đi sứ được viết trong hành trình xa xôi, gián cách cả về thời gian lẫn không gian. Hoàn cảnh đặc biệt này khiến thơ đi sứ so với những loại thơ khác có màu sắc và phong thái riêng, trong đó phải kể đến ý thức văn hóa dân tộc.

1.3. Về ý thức văn hóa dân tộc

Ý thức dân tộc, lòng yêu nước và tự hào dân tộc là vấn đề phổ quát trong nhiều nền văn hóa. Sự khác biệt nằm ở sự đa dạng trong các biểu hiện của nó khi đặt trong những hệ quy chiếu khác nhau. Trong hệ quy chiếu với chính mình, tức là về mặt chủ quan, ý thức văn hóa Việt Nam thể hiện ở sự chủ động lựa chọn những thiết chế văn hóa phù hợp để tạo dựng một đất nước có chủ quyền và văn hiến (bắt đầu từ thời Lý). Trong hệ quy chiếu với Trung Hoa - một nước láng giềng, một nước lớn, đồng thời là một nền văn minh với sức mạnh của một trung tâm, một nguồn phát, thì ý thức ấy trở thành ý thức kiến tạo bản sắc văn hóa.

2. Tâm thức cội nguồn trong thơ đi sứ Nguyễn Du

Khoảng 1813 – 1814, Nguyễn Du được nhà Nguyễn cử làm Chánh sứ sang Trung Quốc tuế cống. Cũng như những sứ thần trước và cùng thời (Trịnh Hoài Đức, Lê Quang Định, Ngô Thì Vị...), Nguyễn Du mang trong mình trọng trách của quốc gia - dân tộc.

Trong tâm thế đó, Nguyễn Du đã từng xúc động khi đứng ở vùng biên giới Lạng Sơn đầy hiểm trở. Đây là vùng biên ải trọng yếu, từng xảy ra không ít cuộc giao tranh, ranh giới giữa “chúng ta” và “họ”, giữa nước ta và nước người:

Nam Bắc quan đầu trụ thủ phận.

(Nam Bắc chia ranh giới ở chỗ này)

(Quý môn quan)

Không riêng gì Nguyễn Du, các chính khách, sứ thần đến nơi biên trấn này

đều có những xúc động đáng trân trọng. Cửa ải nguy hiểm làm phương Bắc khiếp sợ là Quỷ môn quan (ải cửa quỷ). Người Trung Quốc còn truyền tai nhau: “Quỷ môn quan, quỷ môn quan, thập nhân khứ kỷ nhân hoàn?” (Ai cửa quỷ! Ai cửa quỷ? Mười người đi, mấy người về?). Lạng Sơn cùng với vai trò hùng trấn của nó đã giữ một vị trí quan trọng trong tâm thức người Việt. Vượt qua cửa ải này là đến với một phương khác, một quốc gia – dân tộc khác. Dường như mỗi dòng sông, ngọn núi, cửa ải đều tiềm ẩn một sức mạnh dữ dội, bí hiểm làm nên chất thép cho dãy thành trì biên cương, tạo điều kiện ngăn chặn bước chân quân xâm lược. Vùng biên ải này là ranh giới lãnh thổ song đồng thời cũng là ranh giới của tâm thức cộng đồng.

*Quái đắc nhu tình khinh cát đoan,
Khuông trung huê hữu bút như đao.*

*(Quái lạ nổi nhớ nhưng lại dễ dàng
cắt đứt,*

*Trong trap đã có ngọn bút sắc như
dao)*

(Lạng Thành đạo trung)

Với vị trí trọng yếu là nơi trấn giữ, ranh giới lãnh thổ trở nên thiêng liêng trong tâm thức dân tộc và càng có ý nghĩa đặc biệt đối với người đi sứ. Niềm tự hào về quê hương xứ sở, về nơi mình thuộc về truyền sức mạnh tinh thần cho thi nhân. Cuộc chia tay nơi biên ải không hề nhuốm màu bi lụy, tinh thần thì “sắc như đao”, đến nỗi ngỡ như niềm quyến luyến, nhớ nhung cũng “dễ dàng cắt đứt”.

Tạ từ quê hương, từ đây vị chánh sứ đã là khách trên hành trình vạn dặm sau đó.

Đoàn sứ càng đi xa, nỗi nhớ nhung quê nhà càng thấm thía. Dễ thấy, quy hứng là cảm hứng xuyên suốt tập thơ Bắc hành. Nguyễn Du luôn đau đáu nhớ về hương quốc. Càng hướng về cội nguồn, nhà thơ càng ý thức rõ về thân phận là khách của mình. Nguyễn Du luôn nhận mình là “hành nhân”, “chinh nhân”, “du tử”, “du khách”, “chinh khách”...

Hành nhân viễn lai bất giải sự

*(Khách từ nơi xa đến không hiểu
chuyện)*

(Trở binh hành)

Hành nhân diệp thê hoàng.

*(Khách qua đường cũng cảm động
xót thương)*

(Sở kiến hành)

*Kinh tuần khứ quốc tâm như tử,
Nhất lộ phùng nhân diện tẫn sinh.*

...Khách tình chí thử dĩ vô hạn,

Hựu thị Yên sơn vạn lí hành.

(Xa nước mấy tuần lòng như chết,

Dọc đường toàn gặp người lạ mặt.

...Đến đây, tình cảm người viễn

khách đã vô hạn,

Hướng chi cuộc hành trình tới non

Yên còn dài muôn dặm.)

(Mạc phủ tức sự)

Dẫu biết nỗi nhớ nhà như một công thức trong thơ trung đại nhưng tình ý riêng của Nguyễn Du nằm ở nỗi niềm thao thức, đau đáu. Dường như vị chánh sứ rất khó hòa nhập bởi khi nhắc tới hương quốc, liền sau đó nhà thơ nhớ ngay đến thân phận “**đi hương nhân**”. Nguyễn Du khẳng định xuân không thể đến với người khách qua đường:

*Du du hương quốc bát thiên lí,
Lục lục công danh nhất phiến trần.
Cộng chỉ mai hoa báo tiêu tức,
Xuân hà tàng đáo dị hương nhân!*
(*Quê hương mật mù, xa tám nghìn dặm,*

Công danh lận đận mãi trong đám bụi.

*Cùng nhau chỉ hoa mai báo tin xuân,
Nhưng xuân đâu có đến với người ở đất khách)*

(An Huy đạo trung)

Vị sứ thần nơi phương xa cũng tỏ ra vô cùng nhạy cảm khi có ai đó, việc gì đó nhắc nhớ về quê:

*Chu nhân thanh chỉ gia hương cận,
Nã sát thù phương lão sứ thần.*

(*Người trong thuyền tranh nhau chỉ trở gần đến quê nhà,*

Làm cho người sứ thần già ở phương xa buồn đến chết được)

(Quá Thiên Bình)

Tâm thức cội nguồn trong thơ Nguyễn Du có không ít điểm tương đồng với nhiều sứ thần – thi nhân khác. Chúng tôi tạm gọi đó là cảm thức sở thuộc. Núi Hồng sông Lam với Nguyễn Du đã trở thành biểu tượng của quê nhà (home), cũng là nơi định vị bản sắc.

3. Ý thức về bản sắc trong quan hệ với Trung Hoa

Quan niệm “bất dị” Trung Hoa đã được nói đến hoặc trực tiếp hoặc gián tiếp trong phạm trù văn hóa trung đại. Tùy thời, tùy hoàn cảnh mà ý thức này được thể hiện đậm nhạt khác nhau. Với Nguyễn Du, đó là tinh thần “*Phong tục Bắc Nam cũng*

khác”. Thời điểm Nguyễn Du sang đi sứ, người Trung Quốc thắt bím tóc trong khi người Việt thì để tóc dài và búi. Khác biệt về phong tục để tóc trở thành tín hiệu phân biệt người Việt Nam và người Trung Quốc. Nguyễn Du tự nhận diện ra mình, và tự phân biệt với người phương Bắc bởi mái tóc lòa xòa:

Sam sam trường phát tự tri di.

(*Tóc dài lòa xòa, thấy rõ mình là người phương xa)*

(Thương Ngô mộ vũ)

Vấn đề kiến tạo bản sắc không chỉ dừng lại ở câu chuyện về phong tục. Amartya Sen cho rằng một cá nhân hoặc cộng đồng có thể đồng thời có nhiều căn tính khác nhau. Và “trong từng bối cảnh xã hội đều có một số căn tính tiềm tàng có khả năng trở thành quan trọng và đích đáng...” (Amartya Sen, 2016, tr.73). Vậy vấn đề là lựa chọn, là mức độ ưu tiên dành cho những căn tính khác nhau của chúng ta. Phan Ngọc cũng cho rằng văn hóa “biểu hiện thành một kiểu lựa chọn riêng của cá nhân hay tộc người, khác các kiểu lựa chọn của các cá nhân hay các tộc người khác” (Phan Ngọc, 2010, tr.19-20). Vậy trong quan hệ với Trung Hoa, nước ta đã thiên về những lựa chọn nào?

Trong hoàn cảnh lịch sử đặc thù của Việt Nam, khi chịu tác động mạnh mẽ của nghìn năm Bắc thuộc, yếu tố văn hóa Trung Hoa vừa tự nhiên vừa cưỡng bức đã thâm nhập vào Việt Nam. Tuy nhiên, quốc gia – dân tộc Việt đã chủ động lựa chọn những giá trị cốt lõi đủ để nhận diện căn tính của mình. Đó chính là tư tưởng nhân

nghĩa. “Nhân nghĩa” - thứ sức mạnh có cội rễ cắm sâu trong lòng dân tộc, là thứ có thể “thắng hung tàn”, “thay cường bạo”. Một cách gián tiếp, ý nhị và nhẹ nhàng, Nguyễn Du cho thấy thu phục nhân tâm là điều mà Trung Hoa có thể chưa có hoặc còn thiếu sót. Bởi các triều đại phong kiến Trung Hoa chỉ quan tâm tới quyền lực. Trong khi ở thời trung đại, người trong thiên hạ đều nhìn nhận vua là người có năng lượng Đức đủ mạnh để đứng ở vị trí liên thông giữa Trời và Đất, tức Thiên Tử (theo Trần Nho Thìn). Nguyễn Du không cho rằng vua Minh Thành Tổ có đủ Đức. Bài thơ **Kì lân mộ** đầy những chỉ trích bản chất tàn ác của vua Minh Thành Tổ, người đã giết hại vô số sinh linh:

*Hà hướng Yên Đệ hà như nhân?
Đoạt diệt tự lập phi nhân quân.
Bạo nộ nhất sinh di thập tộc,
Đại bồng cự hoạch phanh trung thân.
Ngũ niên sở sát bách dư vạn.
Bạch cốt thành sơn địa huyết ân!*

(**Kì lân mộ**)

(Huống nữa Yên Đệ là người như thế nào?/ Cướp ngôi của cháu để tự lập làm vua, y không phải là bậc nhân quân/ Để hả một con giận y giết cả mười họ (người ta)/ Giết trung thần bằng cách đánh bằng gậy lớn và nấu trong vạc dầu lớn/ Trong năm năm giết trên trăm vạn mạng người/ Xương trắng chất thành núi, đất ngập máu)

Vua Minh Thành Tổ ngay từ đầu đã không phải bậc quân tử. Lên ngôi một cách bất chính, ông ta cướp ngôi từ cháu của mình. Đánh tan xác và phanh thây là hình phạt tàn bạo ông ta dành cho Phương Hiếu

Nhụ chỉ vì thuở ấy Hiếu Nhụ không chịu thảo chiếu lên ngôi cho ông. Càng dã man hơn khi vị vua này ra lệnh giết cả chín họ nhà Phương Hiếu Nhụ và hết thầy đấm học trò của Phương trong cơn giận dữ tức thời. Cũng vị vua này đã giết hơn trăm vạn sinh linh chỉ trong năm năm. Điều này đã tổn thương lớn đến đức hiếu sinh của trời. Chém giết lan tràn đến nỗi “*xương trắng chất thành núi, máu đổ thấm đất*”. Ngôi vị của vua được xây trên xương máu những con người vô tội. Là đấng quân vương mà hành xử không theo đạo Nhân thì sao có thể trị quốc an dân? Đến nỗi con vật thiêng là kì lân chừng như cũng “*không nỡ sống để trông thấy cảnh chém giết*” mà thà “*bỏ mình*” trước khi được đưa đến yết kiến vua:

*Lân hề, quả vị thử nhân xuất,
Đại thị yêu vật, hà túc trân.*

(**Kì lân mộ**)

(Ôi kì lân! Nếu mà vì kẻ ấy mà hiện ra/ Thì mà chỉ là đồ yêu quái, có gì đáng quý?)

Rõ nước mắt thương con kì lân, Nguyễn Du đã ở lập trường khách quan để phân định phương Bắc và phương Nam. Phương Nam chọn đức Hiếu sinh, biểu hiện cụ thể nhất là lập trường nhân nghĩa. Bởi lựa chọn này, phương Nam đã giữ vững nền độc lập.

*Nhược đạo năng vị thánh nhân xuất,
Đương thế hà bất Nam du trường?*

(Nếu bảo vì thánh nhân mà kì lân xuất hiện,

Buổi ấy sao không sang dạo chơi phương Nam?)

(**Kì lân mộ**)

Minh Chúa của phương Nam buổi ấy là Lê Lợi, đáng biết tích đức nhân, biết “khoan nhân thương người”. Trong bối cảnh văn hóa trung đại, “*Nhân nghĩa không chỉ thuộc phạm vi nhân sự mà còn thuộc phạm vi thiên đạo, “không chỉ là đạo người mà còn là đạo trời”*” (Trần Nho Thìn, 2008, tr.239). Có nhân nghĩa ắt sẽ được thành công. Từ cảm hứng tự hào của dân tộc, Nguyễn Du nhắc đến lập trường Nhân nghĩa của dân tộc một cách khéo léo mà Lê Lợi buổi ấy là biểu hiện sáng chói của quốc thống ấy. Quan điểm của Nguyễn Du là đức trị, thiên hân về hiếu sinh. Phẩm chất của một bậc thiên tử hay rộng ra lập trường của một thể chế chính trị thể hiện ở việc đối đãi với dân đen con đỏ thế nào? Đi sứ chính là dịp để Nguyễn Du nhận định lại những giá trị mà người ta “dán nhãn” cho Trung Hoa. Chừng nào Trung Hoa vẫn còn đó những lão già mù hát rong, những mẹ con người hành khất thì chừng ấy đức hiếu sinh của trời vẫn còn thương tổn. Nguyễn Du đã tô đậm giá trị cốt lõi của văn hóa dân tộc, đồng nghĩa với việc tái xác lập bản sắc văn hóa dân tộc.

Khác với sự thâm trầm của Nguyễn Du, “*Đoàn Nguyễn Tuấn đi sứ với niềm tự hào của người chiến thắng*” (Nguyễn Thế Long, 2001, tr.326), thơ ông tràn đầy tinh thần tự hào dân tộc:

*Khách vấn An Nam cảnh nhược Hà
An Nam phong cảnh dị Trung Hoa
Cảnh vật An Nam khách hỏi à?
An Nam cảnh vật khác Trung Hoa)*

(Đáp vấn - Đoàn Nguyễn Tuấn)

Hùng khí của triều đại Quang Trung

đã tiếp sức cho ngòi bút của tác giả. So sánh với thơ đi sứ của Đoàn Nguyễn Tuấn không phải để chăm chăm tìm cái khác biệt hay để hơn thua, chúng tôi muốn tìm “những dòng riêng của một nguồn chung”. Dẫu là giọng khẳng khái hào sảng hay nhẹ nhàng, thâm trầm..., cả hai đều thống nhất ở ý thức “dị Trung Hoa”. Có thể xem đây là sự “kháng cự” cần thiết, một ý thức về bản sắc văn hóa của một dân tộc “*vốn xưng nền văn hiến đã lâu*”. Rộng ra, đó là một nhu cầu tự nhận diện căn tính trong quan hệ với nước khác...

4. Thay lời kết

V. M. Rozin cho rằng bên cạnh các hình thức nghệ thuật thì “văn học (với tư cách là những yếu tố của các hệ thống triết học) là đối tượng của văn hóa học” (Rozin, 2000, tr.13). Quả vậy, qua thơ sứ trình của Nguyễn Du, ta hiểu hơn về diện mạo một thời của văn hóa Việt Nam. Mỗi thời đại có một mô hình nhận thức khác nhau. Trong xã hội trung đại, những giá trị chung của khu vực mà các quốc gia hướng đến đều có những điểm chung:

Lễ nghĩa văn chương tự nhất gia

(Lễ nghĩa văn chương tựa một nhà)

(Đáp vấn - Đoàn Nguyễn Tuấn)

Nhưng có thể thấy bản sắc quốc gia dân tộc vừa là nhu cầu tự thân vừa là ý thức kiến tạo một cách chủ động. Nếu cán cân về lực lượng quân sự nghiêng hẳn về nước lớn là Trung Hoa, nếu trong hệ quy chiếu về tư tưởng ta cũng chỉ là nước bé, thì vừa vô thức vừa rất có ý thức, về mặt văn hóa ta tự nhận diện mình bằng cách tìm về những “giá trị gốc rễ”, những giá trị

“phương Nam”. Trực tiếp đi sứ, trên những hành trình vạn dặm, trong điều kiện gian cách về thời gian, không gian, những suy tư của Nguyễn Du có giá trị xuyên lịch sử, xuyên thời đại. Đó là tâm huyết đối với bản lĩnh của một dân tộc, nhất là về mặt bản sắc văn hóa.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Chris Baker. (2011). *Nghiên cứu văn hóa - Lí thuyết và thực hành*. Hà Nội: NXB Văn hóa thông tin.
- Nguyễn Thế Long. (2001). *Chuyện đi sứ, tiếp sứ ngày xưa*. Hà Nội: NXB Văn hóa thông tin.
- Phan Ngọc. (2010). *Bản sắc văn hóa Việt Nam*. Hà Nội: NXB Văn học.
- V.M. Rozin. (2000). *Văn hóa học*. Nguyễn Hồng Minh dịch. Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia.
- Amartya Sen. (2016), *Căn tính và bạo lực – huyền tường về số mệnh*. Lê Tuấn Huy và Trần Tiến Cao Đăng dịch. Hà Nội: NXB Tri thức.
- Nguyễn Bá Thành. (2006). *Bản sắc Việt Nam qua giao lưu văn học*. Hà Nội: NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Trần Nho Thìn. (2008). *Văn học trung đại Việt Nam dưới góc nhìn văn hóa*. Huế. NXB Giáo dục.
- Trần Nho Thìn. (28/5/2015). *Giáo sư Trần Đình Huou và hướng tiếp cận văn hóa học trong nghiên cứu văn học*. Văn hóa Nghệ An. <https://vanhoanghean.com.vn/chuyen-muc-goc-nhin-van-hoa/nhung-goc-nhin-van-hoa/giao-su-tran-dinh-huou-va-huong-tiep-can-van-hoa-hoc-trong-nghien-cuu-van-hoc>